

Nguyên nhân thất bại của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ từ góc nhìn pháo binh

Nguyễn Trọng Minh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954) là một sự kiện gây chấn động, có tầm ảnh hưởng quốc tế. Thất bại của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ đến từ nhiều nguyên nhân. Bằng phương pháp lịch sử và logic cùng với phép so sánh, đối chiếu các tư liệu thu thập được, bài viết sẽ góp thêm một góc nhìn để lý giải về những nguyên nhân bại trận của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ từ góc độ pháo binh, làm rõ vai trò của yếu tố này trong chiến thắng của bộ đội Việt Nam. Bài viết chỉ ra rằng việc nhận định thiếu đầy đủ về tình hình chiến trường đã dẫn đến sự chủ quan trong hoạch định và thực thi chiến lược phòng thủ của giới chỉ huy quân đội Pháp nói chung và lực lượng pháo binh nói riêng. Điều đó đã khiến pháo binh Pháp tại Điện Biên Phủ không có sự chuẩn bị đầy đủ để ứng phó với các tình huống bất ngờ. Thêm vào đó, những hạn chế nghiêm trọng trong công tác tổ chức và hậu cần cũng góp phần làm suy yếu sức mạnh của pháo binh Pháp, khiến họ không thể đối phó hiệu quả với những thách thức trên chiến trường. Ở phía đối diện, quân đội nhân dân Việt Nam đã cho thấy một lòng quyết tâm cao, sự nhạy bén trong việc nắm bắt và hoạch định chiến lược, khả năng ứng phó linh hoạt với các bất lợi cùng sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho lực lượng pháo binh của họ. Trên cơ sở đó, bài báo kết luận rằng yếu tố pháo binh không chỉ là vũ khí chiến thuật mà còn thể hiện sự sáng tạo và tài trí của bộ đội Việt Nam, góp phần định hình một chiến thắng mang tầm vóc lịch sử.

Từ khóa: Điện Biên Phủ, pháo binh, quân đội Pháp, bộ đội Việt Nam

MỞ ĐẦU

Vũ khí tối tân, phương tiện chiến tranh hiện đại luôn là ưu thế của quân đội Pháp trước bộ đội Việt Minh trong chiến tranh Đông Dương. Càng lún sâu vào thất bại, quân đội Pháp càng ra sức phối hợp và phát huy lợi thế này mà đỉnh cao là sự hình thành của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ở cụm cứ điểm này, hỏa lực của quân đội Pháp thật sự rất đáng nể với 56 khẩu đại bác và súng cối^a, 10 xe tăng M24 Chaffee với một cơ sở đạn dược dự trữ khổng lồ (tương đương từ 6 đến 9 cơ sở đạn trước trận đánh, hơn 100.000 viên) cùng sự yểm trợ của một lực lượng không quân đông đảo [1, tr.285]^b. Có thể nói, trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, chưa bao giờ quân đội nhân dân Việt Nam lại phải đương đầu với một khối lượng hỏa lực đồng và hùng hậu đến như vậy.

Về phía quân đội nhân dân Việt Nam, hỏa lực pháo binh thua kém hơn rất nhiều nếu đem so sánh với phía

Pháp. Trong những trận chiến ở Đông Khuê (1950), Vĩnh Yên (1951), Tu Vũ (1952), Nà Sản (1953), lực lượng sơn pháo 75mm đã đảm nhận vai trò là hỏa lực chủ yếu trong tác chiến của bộ đội Việt Nam trong những trận đánh này. Tuy nhiên, khả năng tác chiến của những khẩu pháo này (với tầm bắn tối đa 6km) là yếu hơn đáng kể so với hỏa lực của trọng pháo Pháp. Do đó, phương pháp chiến đấu chủ yếu vẫn dựa vào xung lực sức mạnh của vũ khí bộ binh. Điều đó đã khiến quân đội Việt Nam phải gánh chịu nhiều thiệt hại trước sức mạnh của pháo binh Pháp. Thực tế chiến đấu đã chỉ ra nếu chỉ dựa vào sức mạnh của vũ khí bộ binh thì không thể khắc phục được triệt để sức mạnh của pháo binh và các hình thức phòng ngự kiểu mới của thực dân Pháp. Điều đó đòi hỏi phải xây dựng lực lượng pháo binh đủ mạnh để làm đối trọng với pháo binh Pháp, chi viện hỏa lực hiệu quả cho bộ binh. Tuy nhiên, cho đến cuối năm 1953, đó vẫn là một yếu điểm của bộ đội Việt Nam: “Bộ binh của Việt Minh thì đáng sợ nhưng pháo của họ chỉ đáng cười” [2, tr.177]. Trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra, ưu thế về pháo binh trên chiến trường nghiêng hẳn về phía Pháp. Tuy nhiên, dù nắm giữ rất nhiều ưu thế trước trận quyết chiến tại Điện Biên Phủ,

Viện Kinh tế Chính trị Quốc tế - Trường Đại học Tài chính - Marketing, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Trọng Minh, Viện Kinh tế Chính trị Quốc tế - Trường Đại học Tài chính - Marketing, Việt Nam

Email: trongminhush@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 14-01-2025
- Ngày sửa đổi: 18-07-2025
- Ngày chấp nhận: 13-10-2025
- Ngày đăng: 29-11-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i4.1104>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



^a Gồm 24 đại bác 105mm M2A1, 4 đại bác 155mm M114, 28 cối 120mm.

^b Hỗ trợ cho Điện Biên Phủ là lực lượng không quân hùng hậu của Liên hiệp Pháp, và không quân dân sự Mỹ. Tổng cộng Pháp huy động 100 máy bay C-47 Dakota, cộng thêm 16 máy bay C-119 của Mỹ. Máy bay ném bom gồm 48 chiếc B-26 Invader, 8 oanh tạc cơ hạng nặng Privater. Máy bay cường kích có 227 chiếc gồm F6F Hellcat, F8F Bearcat và F4U Corsair.

Trích dẫn bài báo này: Trọng Minh N. Nguyên nhân thất bại của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ từ góc nhìn pháo binh. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(4):3185-3194.

quân đội Pháp nói chung và lực lượng pháo binh Pháp nói riêng vẫn nhận lấy một thất bại cay đắng.

NỘI DUNG CHÍNH

Đánh giá thấp khả năng của phía Việt Nam

Lực lượng pháo binh Pháp tại Điện Biên Phủ không chỉ nhiều về số lượng mà còn có uy lực đáng kể, đặc biệt là với sự tham chiến của những khẩu pháo 155mm lần đầu tiên trên chiến trường Đông Dương. Với tầm bắn hơn 14km, pháo 155mm vượt trội hơn tất cả những loại pháo mà quân đội nhân dân Việt Nam đang sở hữu. Khi được kết hợp cùng với pháo 105mm, sức bao phủ của hỏa lực Pháp ở Điện Biên Phủ là hết sức đáng nể, không một vị trí nào ở trên các sườn núi xung quanh tập đoàn cứ điểm có thể an toàn với hỏa lực Pháp. Hỏa lực mạnh, kinh nghiệm dày dặn là cơ sở cho sự tự tin của pháo binh Pháp ở Điện Biên Phủ: “Chúng ta sẽ thắng nhờ pháo binh... pháo binh đối phương sẽ không thể đứng vững trước hỏa lực của phía Pháp” [2, tr.149].

Ở phía đối diện, trước đó từ khá sớm, bộ đội Việt Nam đã có phương án phát triển lực lượng pháo binh một cách chính quy bài bản. Với nhận thức trên, lần lượt Trung đoàn 45 trọng pháo 105 ly và Trung đoàn 367 pháo cao xạ 37 ly (thuộc đại đoàn công pháo 351) đã được thành lập^c, tiếp nhận trang bị vũ khí mới và huấn luyện ở Trung Quốc, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ. Những sự chuẩn bị đó nhằm phục vụ cho trận quyết chiến chiến lược, đi đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp. Thời cơ đó đã xuất hiện khi quân đội Pháp đổ quân xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, thách thức quân chủ lực của Việt Minh giao chiến. Đây cũng chính là lúc những binh khí kỹ thuật mới của lực lượng pháo binh quân đội nhân dân Việt Nam xuất trận. Cuối năm 1953, cùng với các đại đoàn bộ binh 308, 312, 316, 304, đại đoàn công pháo 351 được lệnh hành quân lên Điện Biên Phủ^d. Đến ngày 8/1/1954, lực lượng pháo binh của bộ đội Việt Nam đã vượt qua đèo Pha Đin tới khu vực tập kết chiến dịch ở Tuần Giáo.

^c Sau gần hai năm xây dựng và huấn luyện trên đất Trung Quốc, ngày 17/1/1953, Trung đoàn 45 được trang bị pháo 105mm đã lên đường trở về Việt Nam. Ngày 25/1/1953, trung đoàn rời Mông Tự (Trung Quốc). Từ Phố Lu về Yên Bái, trung đoàn được lệnh tháo rời xe pháo chất lên bè mảng để xuôi về sông Thao. Ngày 21/4/1953, toàn trung đoàn về tới căn cứ đầy đủ, bí mật, an toàn. Sự kiện này đánh dấu một bước trưởng thành mới về tổ chức, trang bị và sức chiến đấu của lực lượng pháo binh quân đội nhân dân Việt Nam.

^d Tinh chung trong toàn chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng pháo mặt đất của Việt Nam tham gia chiến dịch với tổng số lực lượng pháo, cối (kể cả pháo, cối của các đại đoàn bộ binh) gồm: 1 trung đoàn lựu pháo 105mm có 2 tiểu đoàn với tổng số 24 khẩu; 1 trung đoàn sơn pháo 75mm và súng cối gồm 5 tiểu đoàn và 10 đại đội với 94 khẩu (trong đó có 16 khẩu cối 120mm, 30 khẩu sơn pháo 75mm và ĐKZ, 12 dàn phản lực cỡ 102mm, 36 khẩu cối 82mm); súng cối của các đại đoàn bộ binh là 140 khẩu.

Ở cấp tối cao, các chỉ huy Pháp đã có những thông tin về trang bị hỏa lực mới nhất của Việt Minh từ tin tức thu được qua sóng vô tuyến. Tình báo Pháp khẳng định từ cuối năm 1953: “Trung Quốc đã cung cấp trang bị hạng nặng cho Việt Minh, các xe tải, các xe kéo pháo, pháo 75 và 105mm, pháo cao xạ và một số lượng đạn được rất lớn” [3, tr.111]. Việt Minh sẽ làm gì với số pháo này? Có lẽ giới chỉ huy Pháp không quá bận tâm cho câu hỏi trên vì trong tay họ đã có những kế hoạch đối phó hoàn hảo.

Trên thực tế, chỉ huy pháo binh của quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ là Piroth đã có một kế hoạch tiêu diệt pháo binh đối phương dựa trên 3 yếu tố: “Một là, Việt Minh không thể nào đưa pháo của họ tới tận đây được; hai là, nếu họ mang đến được thì ta sẽ tiêu diệt nó; ba là, dù cho bằng cách nào đó nó vẫn tiếp tục bắn được thì Việt Minh cũng không đủ khả năng để tiếp tế đủ đạn cho pháo để thực sự gây khó khăn cho ta” [4, tr.360]. Để đối phó lại mối đe dọa trên, quân đội Pháp đã bố trí những chiếc máy bay trinh sát Moran được ví là “con mắt” trên không hoạt động xung quanh tập đoàn cứ điểm. Hoạt động của chúng cùng năm đài quan sát pháo binh đặt tại Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo được kỳ vọng sẽ giám sát mọi hành động của pháo binh Việt Nam nếu có. Piroth nhận định: “Để có thể bắn được tới chỗ chúng ta, Việt Minh phải đặt pháo trên cánh đồng, hoặc ít nhất cũng ở sườn núi ngoại vi, đối diện với chúng ta. Địch vừa mới nổ pháo lập tức sẽ lộ ngay mục tiêu. Mỗi khẩu pháo địch bị lộ là lập tức bị tiêu diệt ngay tức khắc” [5, tr.112]. Khi Tướng Blanc (vốn xuất thân từ một sĩ quan pháo binh) lên thị sát chiến trường Điện Biên Phủ đã gọi Piroth và tư lệnh lực lượng quân Bắc Bộ Cognys ra một chỗ vắng để cùng bàn bạc về những lo ngại của mình. Trung tá Piroth đã trình bày kế hoạch phản pháo địch một cách tỉ mỉ kèm theo cả bản đồ, thước đo và com-pan [6, tr.120]. Trung tá Piroth nhấn mạnh: “Các khẩu pháo 105 và 155 của chúng ta sẽ đảm bảo việc phản pháo, nã pháo vào các khẩu pháo của địch. Còn các khẩu đội cối 120 của chúng ta sẽ chịu trách nhiệm bắn nát bộ binh địch” [5, tr.112].

Những nhận định của Piroth lại càng được củng cố bởi những báo cáo của tình báo và kỹ thuật của quân đội Pháp. Báo cáo về pháo binh của quân đội Pháp đã nhận định: “Pháo binh địch khó có thể bắn vào các vị trí của chúng ta giữa ban ngày và vào lúc trời quang đãng. Nó sẽ thu hút sự phản pháo ngay lập tức của không quân, pháo binh ta” [1, tr.268]. Nhận định trên nhận được sự đồng tình rộng rãi của đa phần các tướng lĩnh, chỉ huy pháo binh Pháp ở Đông Dương bởi theo họ với điều kiện địa hình ở Điện Biên Phủ, cả pháo mặt đất và pháo phòng không của Việt Minh khi tác chiến đều sẽ bị phát hiện và nhanh chóng bị pháo

binh, không quân Pháp phản kích [7, tr.186]. Khi lên thị sát cụm cứ điểm Điện Biên Phủ vào tháng 1/1954, đứng trên nắp hầm chỉ huy quan sát cụm cứ điểm, Navarre tỏ vẻ rất lo lắng khi bao quanh cứ điểm Him Lam là những ngọn đồi phủ kín rừng rậm mà ở đó bộ đội Việt Minh có thể bố trí kín đáo những khẩu pháo cỡ lớn để tấn công vào Him Lam. Nếu Him Lam thất thủ thì đại bộ phận của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ nằm dưới tầm hỏa lực của bộ đội Việt Minh. Khi được Navarre hỏi về vấn đề này, Piroth đã tự tin trả lời rằng: “Thưa ngài, không một khẩu đại bác nào của Việt Minh có thể bắn đến phát thứ ba mà không bị pháo của tôi tiêu diệt” [8, tr.225]. Piroth và nhiều tướng lĩnh Pháp đều có một lòng tin chắc chắn rằng lực lượng pháo binh Pháp ở Điện Biên Phủ hoàn toàn có thể khống chế được pháo binh của đối phương, vốn trang bị kém hơn và kinh nghiệm chiến đấu nghèo nàn hơn. Sự tự tin đó ngày càng được nâng lên đến mức khi nhận được lời đề nghị tăng cường thêm pháo binh cho cụm cứ điểm Điện Biên Phủ từ một chính khách Pháp, Piroth đã từ chối và đáp lại rằng: “Ồ thưa ngài, xin ngài bộ trưởng hãy nhìn sơ đồ hỏa lực của tôi. Tôi đã có quá thừa pháo” [9, tr.231].

Ngoài sự tự tin về chiến thuật chế áp khi có sự xuất hiện của trọng pháo đối phương, từ trong sâu thẳm, quân Pháp vẫn không tin rằng bộ đội Việt Minh có thể đưa trọng pháo đến được Điện Biên Phủ. Trong mắt của các chỉ huy quân đội Pháp, việc chuyển “lựu pháo 105mm bằng tay, qua đèo hiểm trở, không có đường mòn với sức người dường như là không thể”¹⁰. Trong hoàn cảnh đó, làm thế nào mà “đại bác và quân nhu (của phía Việt Nam) có thể vượt qua được các đỉnh núi cao” [11, tr.7]. Theo đánh giá của phía Pháp, phía Việt Nam cùng lắm chỉ đem được đến Điện Biên Phủ súng cối và pháo 75mm, những loại pháo cỡ nhỏ ấy sẽ không đủ sức để tập trung hỏa lực [2, tr.162]. Khi giao chiến, pháo binh Pháp sẽ dễ dàng “đập tắt” những khẩu pháo đó. Để củng cố thêm nhận định sai lầm trên của phía Pháp, phía Việt Nam đã cho pháo binh thực hiện một số đợt bắn nghi binh vào Điện Biên Phủ. Chẳng hạn vào ngày 3/2/1954: “Vào lúc 12 giờ trưa, pháo 75mm từ các triển dốc phía Đông Bắc tập đoàn cứ điểm bắt đầu khai hỏa. Các khẩu pháo, bố trí cách nhau 30m, bắn thẳng vào mục tiêu ở khoảng cách 4km. Đến loạt đạn thứ hai, pháo binh Pháp phản pháo nhưng rơi vào các trận địa giả do bộ đội Việt Minh dàn dựng. Từ Điện Biên Phủ, pháo binh đã bắn ra tổng cộng 1.650 quả đạn 105mm. Máy bay tiêm kích và B26 thả 158 quả bom xuống các trận địa giả... nhưng người ta (quân Pháp) tưởng rằng đã phá hủy toàn bộ pháo của đối phương” [2, tr.164-165]. Những cuộc tấn công nghi binh như trên đã khiến pháo binh Pháp tin rằng đối thủ chính của họ

chỉ là những khẩu pháo 75mm với chất lượng kém xa so với đại bác của Pháp. Vậy nên, khi những khẩu pháo 105mm trút những quả đạn xuống Điện Biên Phủ đã gây ra bất ngờ rất lớn cho quân Pháp bởi sự xuất hiện của chúng mà như về sau Tướng Paul Ély (Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp) đã thú nhận: “Một lần nữa, kỹ thuật lại bị thua cuộc bởi những con người có tâm hồn và một lòng tin” [12, tr.161]. Trong cuốn hồi ký của mình, Đại tá Langlais (chỉ huy đặc biệt của quân đồn trú Pháp tại Điện Biên Phủ) thừa nhận rằng ông và các sĩ quan Pháp tại Điện Biên Phủ đều rất vững tin vào chiến thắng cho đến ngày mở đầu cuộc tiến công: “Tôi hy vọng tràn trề là chúng ta sẽ thắng trong cuộc chiến tranh Đông Dương tại mặt trận Điện Biên Phủ” [13, tr.80]. Tại sao lại có tâm lý đó, Tổng Tư lệnh Navarre đã giải thích cho điều đó như sau: “Có lẽ trước hết là do từ trước đến giờ Việt Minh mới chỉ có thể hạ những đồn bốt lẻ, đòi khi một vài vị trí quan trọng, nhưng chưa bao giờ họ đánh được một quần thể phòng thủ vững chắc có hỏa lực pháo binh mạnh kết hợp với những lưới lửa của các cứ điểm đan xen vào nhau. Người ta tưởng họ chưa đạt tới trình độ ấy. Thắng lợi nằm trước ở Nà Sản càng làm tăng thêm điều ngộ nhận ấy” [7, tr.200]. Tâm lý “lạc quan” thái quá đó đã dẫn đến việc pháo binh Pháp đánh giá quá cao thực lực của mình, hạ thấp khả năng của phía đối thủ. Điều đó đã khiến lực lượng pháo binh Pháp tại Điện Biên Phủ không chuẩn bị những kế hoạch tác chiến nhằm đối phó với những tình huống tối tệ. Vậy nên, khi bị bao vây và tấn công mạnh mẽ, họ không có kế hoạch dự phòng đủ mạnh để đối mặt với tình trạng ngày càng trở nên khó khăn.

Xử trí chưa phù hợp với những bất lợi về mặt địa hình

Khi chọn vùng lòng chảo thung lũng Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược, quân Pháp phải đối diện với nhiều bất lợi. Nơi đây có địa hình bao phủ xung quanh là đồi núi phức tạp và rừng rậm, làm giảm khả năng triển khai hiệu quả của các đơn vị pháo binh. Thêm vào đó, thung lũng lòng chảo này được núi non bao bọc xung quanh rất lý tưởng cho việc bố trí và che giấu các trận địa pháo. Khi chọn đóng quân ở một vị trí thấp hơn, Navarre đã tự đẩy mình vào thế phòng ngự bị động, đối phương có thể nổ súng bất cứ lúc nào. Từ những vị trí trên những ngọn núi xung quanh, pháo binh đối phương có thể ngắm bắn chính xác vào các mục tiêu trong thung lũng lòng chảo nhưng không một chỉ huy cấp cao nào của quân Pháp nhận ra điều đó [2, tr.160] như lời trần tình của Jean Pouget - sĩ quan tùy viên của Tướng Navarre: “Tại sao không có ai phát hiện là vị trí phòng ngự mà lại đặt trong thung

lũng lòng chảo, có nghĩa là đã cầm chắc thất bại rồi hay sao? Đây là một việc mà người nào cũng biết, thời nào cũng có. Có một viên tướng Tàu từ bốn ngàn năm trước công nguyên đã viết: “Người khôn chiếm núi kẻ dại giữ thung lũng” [6, tr.247]. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, bằng nhiều nỗ lực và cách thức sáng tạo, bộ đội Việt Nam đã chiếm được những cao điểm, triển núi xung quanh cánh đồng Điện Biên Phủ để bố trí các trận địa pháo, đẩy quân Pháp từng bước rơi vào “tử địa”.

Trên thực tế, quân đội Pháp thừa hiểu rằng trong các trận đánh lớn thì cần phải chiếm được các cao điểm, nhưng họ tính toán rằng sức mạnh hỏa lực của họ có thể bù đắp lại cho vị trí bất lợi của mình. Thêm vào đó, cả tư lệnh pháo binh Pháp ở Đông Dương và tư lệnh pháo binh Bắc Bộ đều đánh giá rằng địa hình phức tạp ở Điện Biên Phủ khiến phía Việt Nam không thể hiệu quả trong việc đánh phá pháo và máy bay của quân đội Pháp [1, tr.30]. Điều đó đưa lại cho người Pháp sự tự tin lớn tới mức khi có phóng viên bày tỏ lo ngại về cái thế ở dưới thấp của lòng chảo Điện Biên Phủ, De Castries đã nhún vai trả lời: “Được lắm! Họ từ trên cao bắn xuống chúng tôi ư? Tôi sẽ đội cái mũ ca-lô đỏ của tôi lên cho họ trông rõ tôi hơn” [14, tr.112].

Xuất phát từ tâm lý trên, quân đội Pháp đã không triển khai một cách đúng mức những biện pháp phòng ngự chủ động ở những khu vực xung quanh thung lũng Điện Biên Phủ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thay vì bố trí pháo ở tuyến sau, như chiến thuật pháo binh thông thường, bộ đội Việt Nam đã đưa pháo lên các trận địa ở gần, trên địa hình cao, có lợi thế bắn xuống tập đoàn cứ điểm của Pháp. Trong khi đó, quân đội Pháp lại không ngăn chặn một cách có hiệu quả những động thái triển khai lực lượng vây hãm, bố trí pháo binh trên những sườn núi xung quanh Điện Biên Phủ của pháo binh Việt Nam như lời cảnh báo của phóng viên Robert Guillaing trên tờ Le Monde ngày 16/2/1954: “Quân Việt xây dựng trận địa pháo của họ ngay dưới mũi chúng ta, không phải ở phía sườn bên kia mà là trên sườn núi về phía chúng ta, thế nhưng chúng ta cũng chẳng biết gì cả” [9, tr.233]. Hệ quả đưa đến là bộ đội Việt Minh siết chặt vòng vây quanh Điện Biên Phủ, chiếm thêm các vị trí ở sườn Đông và Bắc của lòng chảo, bố trí nhiều đài quan sát pháo binh và pháo phòng không, báo hiệu một cuộc tấn công sắp xảy ra [7, tr.183]. Khi nhận thấy những bất lợi trên, quân Pháp ở Điện Biên Phủ mới tổ chức một số cuộc hành quân giải tỏa những điểm cao nghi ngờ có pháo bố trí ở đó. Tuy nhiên, điều đó đã quá muộn bởi đối phương của họ lúc này đã tạo được thế đứng vững chắc và đẩy lui được những cuộc hành quân giải tỏa của quân đội Pháp: “Từ tháng 2 đến đầu tháng 3/1954, nhiều cuộc hành quân cỡ đại đội hoặc cấp tiểu

đoàn tiến ra vùng Bắc Him Lam đều không đạt được kết quả... Ngày 6/2/1954, hai tiểu đoàn do Trung tá Langlais chỉ huy định tiến ra chiếm mỏm núi 63, 81 ở phía tây bắc đã bị thiệt hại mà không đạt kết quả nào... Tiếp theo là các cuộc hành quân ra phía bản Tang cách tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 9km và cuộc hành quân ra bản Huổi Phù phía tây nam cũng đều phải rút lui vì bị chống trả mạnh mẽ” [11, tr.269]. Tập đoàn cứ điểm này cứ dần bị cô lập khi bộ đội Việt Minh kiểm soát toàn bộ khu vực xung quanh Điện Biên Phủ, tạo nên một vòng vây gần như khép kín [1, tr.264]. Mọi nỗ lực giải tỏa áp lực xung quanh Điện Biên Phủ đã trở nên không có hiệu quả. Những sai lầm tai hại mà các nhà quân sự Pháp mắc phải như ở trên đã được khái quát hóa lại trong bản Kết luận của Ủy ban điều tra quân sự Pháp về thất bại ở Điện Biên Phủ như sau: “Chỉ huy Lực lượng lục quân Bắc Việt Nam cùng với tất cả pháo thủ mắc sai lầm nghiêm trọng. Một là đánh giá thấp lợi thế thực địa mà Việt Minh đã tận dụng để triển khai, che giấu hệ thống pháo và pháo phòng không một cách hiệu quả và ít bị đe dọa. Hai là quá tin tưởng vào lợi thế hỏa lực của quân Pháp”¹⁵. Sai lầm này có phần trách nhiệm của nhiều người, trong đó Tướng Navarre với tư cách là tổng tư lệnh phải chịu phần trách nhiệm chính như trong bản kết luận đã chỉ ra: “Ông ấy đã không đánh giá đầy đủ những lợi thế tự nhiên của vùng dành cho địch thủ nhưng lại gây bất lợi cho quân đội Pháp”¹⁶.

Đề cao sức mạnh của không quân, thiếu phương án chống cô lập, bảo vệ đường tiếp tế

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một khu vực nằm chơ vơ giữa núi rừng Tây Bắc, cách rất xa những căn cứ hậu phương của cả hai phía. Khó khăn về mặt hậu cần đều đặt ra cho cả phía Việt Nam và Pháp. Pháp lựa chọn nơi đây làm điểm quyết chiến dựa trên những toan tính kỹ lưỡng mà như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: “Họ có cân nhắc kỹ mặt tốt, mặt xấu. Họ đã tính toán hợp lý: Điện Biên Phủ nằm rất xa hậu cứ của quân đội Việt Minh, và cũng xa các hậu cứ của Pháp. Nhưng Pháp sẽ giải quyết vấn đề bằng không quân trong khi quân Việt không có máy bay” [17, tr.320]. Tính toán trên của quân đội Pháp là rất hợp lý với khả năng của họ nhưng trong điều kiện phải đảm bảo hoạt động thông suốt của không quân. Tuy nhiên đây cũng chính là một mối nguy cơ đối với quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ bởi mọi nguồn viện trợ, tiếp tế cho tập đoàn cứ điểm chỉ bằng một con đường duy nhất là đường hàng không. Nếu kênh tiếp tế này bị khống chế hoặc ngăn chặn thì quân Pháp ở Điện Biên Phủ sẽ bị đe dọa nghiêm trọng, không còn khả

năng chiến đấu. Do vậy, việc làm chủ không phận, bảo đảm an toàn cầu hàng không lên Điện Biên Phủ, bảo vệ tuyến tiếp tế duy nhất này là yếu tố “sống còn” với quân Pháp.

Khi bàn về hỏa lực phòng không của đối phương, phía Pháp cho rằng: “Để đưa pháo 37 vào sát cự ly có thể uy hiếp máy bay ta khi cất cánh, hạ cánh và thả dù, pháo binh Việt Minh sẽ gặp khó khăn rất lớn... Nếu họ làm được như vậy thì phản pháo của ta cũng như một vài biện pháp để phòng thụ động (chọn khu vực thả dù, thu hẹp phòng lượn của máy bay) vẫn có thể đảm bảo được việc tiếp tế mà không bị tổn thất quá đáng... Hay ít nhất nữa là ta vẫn có thể tiếp tế bằng không quân của ta vẫn luôn luôn được đảm bảo” [7, tr.187]. Trong bài trả lời phỏng vấn hằng thông tấn Mỹ UPI này 14/1 và 20/2/1954, Tướng Cogny đã trả lời rằng: “Tôi mong muốn như thế, pháo binh Việt Minh có thể gây ra những phiền toái nhưng chúng sẽ bị làm cho câm họng... Pháo phòng không của Việt Minh sẽ chẳng bao giờ làm ngưng được Điện Biên Phủ” [7, tr.197]. Trên tất cả, các sĩ quan, tướng lĩnh Pháp tin rằng phía Việt Nam thiếu pháo thủ đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ phòng không hiệu quả, nên không thể làm gián đoạn hoạt động của cầu hàng không [2, tr.137].

Từ trước khi quân đội Việt Nam mở màn cuộc tiến công, quân đội Pháp đã nghi ngờ sự có mặt của các đơn vị pháo cao xạ đối phương xung quanh tập đoàn cứ điểm nhưng phía Pháp vẫn rất tự tin với khả năng của mình. Trọng trách “khóa họng” những khẩu pháo phòng không đó được đặt nặng lên vai của lực lượng pháo binh Pháp. Thêm vào đó, bộ chỉ huy Pháp tin rằng với một lực lượng không quân oanh tạc liên tục ngày đêm trên các tuyến đường hậu cần tiếp tế của Việt Minh thì đối phương sẽ không có khả năng để chiến đấu lâu dài trên địa bàn hiểm trở của chiến trường miền Tây Bắc. Vậy nên, dù có một vài lo ngại trước sức mạnh của đối thủ nhưng quân Pháp tin rằng Điện Biên Phủ sẽ đứng vững: “Bộ chỉ huy của chúng ta coi trận chiến đấu sắp tới sẽ rất ác liệt, gay go nhưng sẽ mang lại cho chúng ta những thắng lợi quan trọng. Cho đến nay, Tướng Giáp chưa bao giờ gặp một nhiệm vụ khinh khủng đến như vậy” [18, tr.42]. Tuy nhiên, dù được trang bị những trang thiết bị, phương tiện chiến tranh hiện đại, pháo binh vẫn thất bại trong việc xóa sổ các đơn vị phòng không của đối phương, bảo vệ an toàn cho tuyến hậu cần duy nhất này.

Ngày 30/1/1954, Thiếu tá Privat, Trưởng phòng Đồ bản Đông Dương đã thông báo với Bộ Tham mưu của Tướng Navarre ở Sài Gòn rằng các bản đồ Điện Biên Phủ tỉ lệ lớn của Pháp đầy những sai sót và không thể sử dụng cho pháo binh [9, tr.234]. Các đơn vị

tinh báo của pháo binh Pháp dù có trong tay một lực lượng hùng hậu cùng các trang thiết bị tiên tiến vẫn không thể nào xác định chính xác được các trận địa pháo của Đại đoàn 351 bố trí xung quanh Điện Biên Phủ, họ cũng không thể nhận ra sự có mặt của các dàn pháo cao xạ của bộ đội Việt Nam [2, tr.177]. Điều đó đã khiến pháo binh Pháp rơi vào thế bị động, không thể có được các kế hoạch hoàn hảo để ứng phó với sự tham chiến của lực lượng pháo cao xạ Việt Minh.

Việc xuất hiện lực lượng pháo cao xạ, đặc biệt là những khẩu pháo 37mm tại lòng chảo Điện Biên Phủ, bộ đội Việt Nam không chỉ khống chế và thu hẹp không phận, yểm hộ bộ binh chiến đấu, uy hiếp nặng nề đến việc chi viện bằng đường hàng không, tiến tới cắt đứt nguồn chi viện duy nhất cho quân Pháp tại Điện Biên Phủ mà như Tướng Navarre đã thừa nhận: “Chúng ta đã có dịp chứng kiến nhiều cầu hàng không, nhất là những cầu hàng không nối với Miến Điện và Berlin, nhưng chưa bao giờ có một cầu hàng không nào lại dẫn đến một hỏa lực phòng không dày đặc đến như vậy” [1, tr.290]. Trong đợt 1 của chiến dịch, máy bay Pháp còn có thể cất - hạ cánh tại sân bay Mường Thanh, Hồng Cúm nhưng kể từ đợt 2, không quân Pháp buộc phải nâng độ cao, tiếp tế cho các cứ điểm bằng thả dù, thậm chí không dám thả dù vào ban ngày: “Nhiều máy bay đã bị bắn hạ bởi súng phòng không. Đạn pháo thường xuyên bắn vào các máy bay tiếp tế đang đổ hoặc thả dù. Sân bay trung tâm bị uy hiếp mạnh... Từ những vị trí quân Pháp vừa mất, súng cao xạ của Việt Minh đã bắn lên dữ dội. Máy bay phải thả dù từ độ cao 2.000 mét đến 7.000 mét để tránh đạn cao xạ” [11, tr.543-544]. Phải tiếp tế trong điều kiện khó khăn như vậy nên lượng hàng tiếp tế cho quân Pháp ở Điện Biên Phủ suy giảm một cách nghiêm trọng, nhiều hàng tiếp tế đã rơi vào các trận địa của đối phương mà như ghi nhận của Đại úy Jean Pouget thì: “Có tới 50% kiện hàng rơi ngoài bãi thả. Ngày 1/4, hơn một nửa số hàng thả rơi ngoài vị trí. Ngày 6/4, hơn mười khẩu pháo không giật 75mm thả xuống Điện Biên, lính Pháp chỉ thu được hai khẩu. Ngày 9/4, trong tổng số 195 tấn hàng tiếp tế đã thả, quân của tôi chỉ thu được có vồn vẹn... 6 tấn. Ngày 13/4, máy bay C-119 của Mỹ đã trút toàn bộ số đạn pháo 105mm xuống trận địa Việt Minh. Ngày 18/4, hơn 30 tấn hàng “rơi lạc” sang trận địa Việt Minh. Ngày 27/4, có tới 70% số dù hàng rơi lạc mục tiêu. Ngày 5/5, hầu hết số hàng do C-119 thả xuống đều rơi xuống trận địa Việt Minh” [6, tr.460, 470, 477, 482, 490, 507, 518].

Thêm vào đó, lực lượng pháo mặt đất của bộ đội Việt Nam cũng đã góp phần quan trọng khiến các sân bay của quân Pháp ở Điện Biên Phủ bị tê liệt. Trước sự pháo kích liên tục của đối phương, những đường băng

ở Điện Biên Phủ không thể tiếp tục giữ vai trò then chốt trong trận chiến, tác động lớn đến cục diện của trận chiến [19, tr.258].

Khi hoạt động tiếp tế bị bóp nghẹt, thất bại của quân Pháp tại Điện Biên Phủ là một thực tế không thể cứu vãn như lời nhận xét của Tướng Blanc: “Không có lấy một khả năng để thoát ra, toàn bộ lòng chảo nằm được dưới sự xiết chặt rất gần và liên tục của địch” [3, tr.124].

Bị động về mặt chiến lược, không kịp thích nghi với sự thay đổi chiến thuật của đối phương

Trong tính toán của Pháp, dù đối phương có mang được pháo lớn lên tới Điện Biên Phủ thì cân cân trong cuộc đấu hỏa lực vẫn nghiêng về phía Pháp. Có thể khẳng định rằng cho đến đầu năm 1954 thì những toan tính đó của người Pháp là rất có cơ sở. Sở dĩ như vậy là bởi trong thời gian này phía Việt Nam chủ trương thực hiện phương án “đánh nhanh, thắng nhanh”. Trong cuộc họp của Bộ Chỉ huy chiến dịch ngày 14/1/1954, theo phương án tác chiến mà các cố vấn Trung Quốc đề xuất thì: “Chiều 20/1 cấp tập hỏa lực, giọt 2.000 viên 105mm làm tê liệt pháo binh địch, sau đó chuyển làn về sau yểm hộ bộ binh xung phong” [20, tr.77]. Tuy nhiên, mọi diễn biến trên thực địa lại không diễn ra thuận lợi cho phương án “đánh nhanh, thắng nhanh”. Đến trước ngày 20/1, ngày dự định nổ súng, pháo vẫn chưa vào đến vị trí, buộc Bộ Chỉ huy chiến dịch phải lùi ngày nổ súng đến 25/1/1954. Những khó khăn trong công tác chuẩn bị chiến đấu đã khiến một số đơn vị chiến đấu của bộ đội Việt Nam gặp lúng túng dẫn tới việc: “Gần ngày nổ súng, cơ quan tác chiến báo cáo: trung đoàn trưởng Hoàng Cẩm ở 312 đề nghị trả lại bớt pháo, vì được trao quá nhiều pháo! Đây là hiện tượng cần chú ý. Chưa bao giờ một đơn vị đột kích lại từ chối pháo phối thuộc” [21, tr.923]. Công tác bố trí, chuẩn bị trận địa tác chiến cho pháo binh của phía Việt Nam còn rất sơ sài, để lộ nhiều sơ hở nghiêm trọng. Khi đi kiểm tra trực tiếp trên thực địa, đồng chí Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ, theo dõi việc kéo pháo ở phía Tây đã báo về Bộ Chỉ huy chiến dịch: “Pháo của ta đều đặt trên trận địa đã chiến, địa hình rất trống trải, nếu bị phản pháo hoặc máy bay đánh phá sẽ khó tránh tổn thất. Một số pháo vẫn chưa kéo được tới trận địa” [21, tr.921-922]. Trước thực tế đó và dựa trên những chuyển biến của tình hình chiến trường, trong cuộc họp Đảng ủy Mặt trận Điện Biên Phủ sáng ngày 26/1/1954 (ngay trước giờ dự định nổ súng chừng 10 tiếng đồng hồ), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định hoãn tấn công, cho kéo pháo ra khỏi

trận địa, chuyển từ phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Đây là quyết định mà theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp là “quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình” [21, tr.929]. Quyết định rút pháo trở ra, thay đổi phương án tác chiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã cho thấy những tính toán về mặt pháo binh ban đầu của quân Pháp tại Điện Biên Phủ là tương đối chính xác mà như sau này một cán bộ pháo binh của phía Việt Nam đã xác nhận: “Vào đến nơi thấy hầm hố cho pháo mới làm xong, nhưng thấy không an toàn, còn sơ sài lắm, lộ lắm. Nó (Pháp) mà phát hiện, pháo nó già cho mấy quả thì cả pháo và người đi đứt. Nên được lệnh kéo pháo ra, không ai kêu ca gì” [22, tr.360].

Để thực hiện theo phương án tác chiến mới, mọi công tác chuẩn bị của pháo binh Việt Nam phải làm lại từ đầu. Để đưa được pháo vào các trận địa mới, lực lượng công binh phải mở đường xuyên qua rừng sâu, núi cao với địa hình hiểm trở để vận chuyển những khẩu pháo nặng hàng tấn trong điều kiện rất gian khổ, bị không quân Pháp đánh phá liên tục. Lực lượng công binh cũng xây dựng những trận địa pháo giấu kín trong các công sự kiên cố, khả năng cơ động nhanh, có khả năng bảo vệ pháo binh trước sự phản kích từ phía Pháp. Bên cạnh đó, theo chiến thuật mới, công tác hậu cần và chuẩn bị hỏa lực cho pháo binh Việt Nam cũng được điều chỉnh. Lực lượng dân công đã vận chuyển một lượng lớn đạn pháo ra tiền tuyến vượt xa so với dự tính ban đầu. Không có những điều chỉnh trên, lực lượng pháo binh Việt Nam khó mà duy trì khả năng chiến đấu trong suốt 56 ngày đêm.

Trong quá trình chiến đấu, pháo binh Việt Nam không chỉ tấn công trực diện mà còn sáng tạo trong việc tổ chức chiến thuật, phối hợp với bộ binh và công binh, phát huy cao tinh thần chủ động tiến công. Bộ đội Việt Nam đã bố trí những khẩu pháo của mình một cách rất linh hoạt, ở những vị trí khó nhận thấy nhưng lại có thể tiếp cận mục tiêu của quân Pháp một cách bất ngờ. Chiến thuật này cho phép tấn công chính xác vào các mục tiêu quan trọng, tạo nên sự lúng túng rất lớn cho quân Pháp. Trên cơ sở đó, lực lượng pháo binh Việt Nam đã góp phần quan trọng nhằm tiêu hao sức mạnh, bao vây, cắt đứt nguồn tiếp tế của quân Pháp trước khi lực lượng bộ binh thực hiện các đợt tấn công quyết định. Trong khi phía Việt Nam đã nhận ra và từng bước khắc phục những hạn chế trong phương án tác chiến cũng như bố trí của pháo binh, thì quân Pháp lại không có những điều chỉnh phù hợp nhằm thích ứng với tình hình mới.

Khi nhìn vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ về cơ bản đó là một khối gắn kết chặt chẽ, được bao bọc, bảo vệ bởi những loại phương tiện, vũ khí hiện đại nhất lúc bấy giờ. Nhưng trong thực tế, các cứ điểm vẫn

hoàn toàn độc lập về khả năng chiến đấu và phòng thủ. Các đơn vị pháo binh không được bố trí theo cách có thể cung cấp sự hỗ trợ nhiều lớp. Do khoảng cách giữa các cụm hỏa lực ở các trung tâm để kháng của quân đội Pháp là khá lớn khiến chúng thiếu sự bọc lót và hỗ trợ qua lại cho nhau. Kết quả là khi pháo binh ở cụm cứ điểm trung tâm bị áp chế thì pháo binh ở những nơi khác trong hệ thống cụm cứ điểm lại ở cách xa tầm bắn hiệu quả khiến chúng không thể thay thế được vai trò chi viện hỏa lực của pháo ở khu vực trung tâm như lời nhận xét của Đại tướng Georges Catroux: “Cần có thêm một nhận xét nữa liên quan đến trung tâm để kháng phía Nam, tức là Isabelle (tức Hồng Cúm). Với lực lượng 1 tiểu đoàn pháo binh đóng ở đây, nó có nhiệm vụ chính là dùng hỏa pháo binh của mình để yểm hộ cho trận địa trung tâm. Nhưng vì ở xa nên hỏa lực ấy khi cần không giúp được gì cho “Gabrielle” (tức Đồi Độc Lập) và Béatrice (Him Lam)” [9, tr.226].

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội Việt Nam áp dụng chiến thuật bao vây, cô lập tiến tới tiêu diệt từng cụm cứ điểm của quân đội Pháp. Đối chọi lại chiến thuật trên, quân đội Pháp đã tỏ ra bất lực trong việc điều chỉnh chiến thuật pháo binh của mình để chống lại một cách có hiệu quả các cuộc tấn công của bộ đội Việt Minh. Hệ quả đưa đến là khi một vị trí bị mất, nó tạo ra những điểm yếu liên hoàn để cho đối thủ của họ có thể khai thác.

Bên cạnh đó, để bắn trúng mục tiêu, pháo binh cần có những đài quan sát trên các ngọn đồi xung quanh cũng như cần đến các phi đội máy bay trinh sát của không quân. Tuy nhiên, sự bố trí của máy bay trinh sát tại Điện Biên Phủ còn nhiều sơ hở khiến chúng dễ bị tổn thương trước những đòn tấn công của đối phương. Chỉ sau 48 giờ đầu của trận đánh, quân Pháp đã mất tất cả các đài quan sát trên các ngọn đồi lân cận phi đội máy bay trinh sát [9, tr.227].

Sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, Đại tá Langlais, nguyên chỉ huy trưởng phân khu trung tâm mới thừa nhận những lỗ hổng trong phòng ngự của tập đoàn cứ điểm này đã dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng. Ví dụ, ở trung tâm của lực lượng, bộ phận phẫu thuật và ba hầm chỉ huy, gồm của Tướng De Castries, của phân khu trung tâm và kho dự trữ, đều nằm trong bán kính 100m, và viên đại tá nói rằng: “Chỉ cần nhắm vào chính giữa thì chắc chắn sẽ trúng ít nhất một trong bốn mục tiêu trên” [23, tr.46]. Ngay trong trận mở màn của chiến dịch chiều 13/3/1954, hầm chỉ huy cứ điểm Him Lam (Béatrice) đã bị trúng đạn pháo, Thiếu tá chỉ huy trưởng Pégot và 3 sĩ quan khác bị chết. Him Lam nhanh chóng bị thất thủ trong đêm. Cũng tối hôm đó, một quả đạn cối đã xuyên qua cửa thông gió hầm trú ẩn của chỉ huy khu vực trung tâm, khiến

Trung tá Gaucher tử vong [9, tr.303] và De Castries phải bổ nhiệm Langlais thay cho Gaucher làm chỉ huy trưởng phân khu này.

Việc chuẩn bị chiến đấu chống lại pháo binh và phòng không của bộ đội Việt Minh không được quân Pháp tiến hành đầy đủ. Nguyên nhân chính xuất phát từ tâm lý chủ quan của phía Pháp, lý do là bởi ngoài hệ thống hỏa lực hùng hậu sẵn có, Điện Biên Phủ còn nhận được sự chi viện mạnh mẽ của các máy bay oanh tạc B.26 của không quân và hải quân. Ngày 26/12/1953, Đại tá De Castries ra lệnh cho các đơn vị ở lòng chảo Điện Biên Phủ tổ chức các vị trí công sự có thể chịu được sức công phá của đạn đại bác 105 ly. Nhưng đây chỉ là sự cảnh giác mà thôi và trên thực tế việc xây dựng các công sự, hầm hố tránh pháo đã không diễn ra đúng với các quy chuẩn kỹ thuật cần có như chính thức nhận của Tướng Navarre: “Tôi cũng phải đưa ra khá nhiều nhận xét bằng miệng hoặc bằng văn bản về tình trạng thiếu vững chắc của các công sự cho pháo... Một số trận địa không được xây dựng đủ vững để chống lại hỏa lực của pháo binh và súng cối hạng nặng của đối phương” [7, tr.192, 237]. Ngoài ra, các nhà quan sát tới thăm Điện Biên Phủ đã đánh giá một nhược điểm nữa là sự thiếu chắc chắn tại các hầm trú ẩn do quân Pháp xây dựng. Điểm yếu này đã gây ra hậu quả bi thảm cho quân Pháp trong chiến dịch này. Theo lời kể của quân nhân Franz Fischer thuộc đại đội số 11, các vị trí phòng thủ của quân Pháp không được bảo vệ đủ tốt do lớp bao phủ xung quanh dày dưới 30cm được làm từ đất và rơm, nên khi hứng chịu trận pháo kích của quân đội Việt Nam, đã khiến: “Các hầm trú ẩn bị xê dịch do hỏa lực trực tiếp từ pháo 75mm hoặc SKZ27, sụp đổ trước sức công phá của đạn súng cối” [23, tr.68].

Ngược lại với quân Pháp, sau khi kéo pháo ra, bộ đội Việt Nam đã xây dựng các trận địa pháo binh rất kỹ lưỡng. Biết rằng quân Pháp có máy bay trinh sát, có lực lượng pháo mạnh nên bộ đội Việt Nam đã đào hầm vào lòng núi để làm công sự cho pháo khi chiến đấu. Nóc hầm được ghép bằng các thân cây gỗ có đường kính từ 20cm trở lên rồi đổ đất đá lên trên, đảm bảo chống được sức công phá của bom, pháo địch. Bên ngoài trận địa được ngụy trang kỹ lưỡng, chỉ có một số ít bị phát hiện trước khi trận đánh bắt đầu [1, tr.272]. Do đó, khi các khẩu pháo đã yên vị trong công sự, nòng hướng vào các cứ điểm của quân Pháp tại Điện Biên Phủ mà pháo binh Pháp hầu như vẫn không hay biết. Trong khi đó, các khẩu đại bác của quân Pháp lại không được đặt trong các ụ pháo ngầm, khi trận chiến diễn ra thì “chúng đang để lộ thiên và xoay nòng bắn về mọi phía” [2, tr.162]. Ngoài ra, pháo binh Pháp lại không được trang bị lưới ngụy trang để che pháo. Thiếu sót này bắt nguồn từ ý nghĩ:

“Tại sao lại phải nguy trang khi mà nòng pháo 155 sẵn sàng để bịt mồm pháo binh Việt Minh đã có gan bắn vào vị trí Pháp? Hơn nữa kẻ thù vờ như ngại phản ứng của pháo binh Pháp tại Điện Biên Phủ và củng cố cái cảm tưởng cho các pháo thủ Pháp là họ mạnh hơn” [3, tr.91]. Hệ quả đưa đến là các khẩu pháo của Pháp dễ dàng trở thành mục tiêu tấn công của pháo binh Việt Minh. Thêm vào đó, pháo binh của bộ đội Việt Nam lại được bố trí theo cách rất khác với cách thông thường: “Các khẩu pháo được phân tán mỏng. Chúng được tháo rời và đưa vào trận địa bằng cách vác vai... Chúng được đưa vào hầm trú ẩn, từ đó được điều chỉnh bắn thẳng vào mục tiêu qua lỗ châu mai” [1, tr.273] đã khiến cho các tính toán của các pháo thủ Pháp trở nên lỗi thời [7, tr.190]. Trong khi đó, pháo binh Pháp lại được bố trí một cách tương đối cố định khiến họ trở nên bị động và không thể phản ứng linh hoạt với những thay đổi diễn ra liên tục trên chiến trường.

Từ những lý do trên, khi trận chiến nổ ra, pháo binh Pháp gần như bất lực trong việc làm “im miệng” pháo binh của bộ đội Việt Minh và phải chịu những tổn thất nghiêm trọng: “Ngày 23/4/1954, 24 khẩu 105mm nay chỉ còn 19, trong đó 8 khẩu ở Isaben; 4 khẩu 155mm, chỉ còn lại 2 và 32 khẩu cối 120mm với tổn thất 50% chỉ tập hợp lại được hơn 15 khẩu. Tổn thất đến mức đã làm cho nhiều khẩu 105 im lặng trong 24 giờ không bắn được phát nào vì thiếu pháo thủ, phải lấy bộ binh đào tạo gấp để thay thế” [3, tr.492]. Kết quả chung cuộc là pháo binh của Pháp đã bị hạ gục trong cuộc đọ sức với Việt Minh. Cái chết bằng sự tự sát của Piroth - chỉ huy pháo binh cụm cứ điểm khi nhận ra ông đã không hoàn thành nhiệm vụ như ông đã hứa trước khi trận chiến nổ ra [24, tr.412] là một ví dụ nghiệt ngã cho thấy thất bại của pháo binh Pháp trên chiến trường Điện Biên Phủ.

KẾT LUẬN

Trận chiến Điện Biên Phủ là một đỉnh cao về nghệ thuật chuyển hóa thế và lực cùng tương quan lực lượng giữa các bên tham chiến. Trong quá trình đó, lực lượng pháo binh Pháp đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng. Những sai lầm đó thuộc cả mặt chiến thuật lẫn những toan tính chiến lược như đã trình bày ở trên. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến điều đó nhưng vượt lên trên tất cả chính là việc quân Pháp chỉ tính đến mình, chỉ tính đến khả năng của mình trong khi lại “giản lược” hóa đối phương của họ bằng những tính toán kỹ thuật thuần túy. Xét trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, những tính toán về mặt kỹ thuật của người Pháp là rất có cơ sở nhưng nếu “máy móc” dựa vào nó mà không tính đến những chuyển biến trên thực địa thì sẽ rất

dễ phạm phải sai lầm bởi chiến tranh là một lĩnh vực chứa đựng nhiều yếu tố bất định và có sự biến chuyển liên tục. Trong trận quyết chiến này, rất nhiều yếu tố của pháo binh đã được phía Việt Nam khéo léo ẩn đi trong lớp “màn sương mù bí mật” khiến các cấp chỉ huy của quân Pháp không thể nhận biết và làm cho những tính toán của họ trở nên không chính xác, đưa đến thất bại đau đớn tại Điện Biên Phủ. Ngày nay, trong tác chiến hiện đại, vai trò của pháo binh lại càng trở nên quan trọng. Những sai lầm mà lực lượng pháo binh Pháp đã phạm phải trong trận Điện Biên Phủ sẽ là những kinh nghiệm quý báu cho các lực lượng pháo binh hiện nay, đặc biệt là qua các khía cạnh: chiến lược bố trí pháo binh ở vùng đồi núi, tính cơ động, khả năng duy trì hậu cần...

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan không có xung đột về lợi ích trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả thực hiện toàn bộ nghiên cứu trong bài báo. Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về những nguyên nhân đưa đến thất bại của quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ theo hướng tiếp cận từ lực lượng pháo binh. Thông qua những tư liệu thu thập được, tác giả đã chỉ ra và phân tích những nguyên nhân khiến pháo binh của Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ. Trên cơ sở đó, bài viết góp thêm một góc nhìn nhằm làm rõ thêm về việc tại sao quân đội Pháp lại bại trận tại Điện Biên Phủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Navarre H, Phan Thanh Toàn dịch. Đông Dương hấp hối. Hà Nội: Công an Nhân dân; 2015.
2. Roy J. translated from the French by Robert Baldick. The battle of DienBienPhu. New York: Harper & Row; 1965.
3. Bruge R, Ngữ Phan dịch. Điện Biên Phủ từ góc nhìn của người lính Pháp. Hà Nội: Thông tấn; 2004;.
4. Schrader CR. A War of Logistics: Parachutes and Porters in Indochina 1945-1954. Lexington; 2015.
5. Bergot E, Lê Kim dịch. Điện Biên Phủ - 170 ngày đêm bị vây hãm. Hà Nội: Công an Nhân dân; 2004;.
6. Pouget J, Lê Kim dịch. Tướng Navarre với Trận Điện Biên Phủ. Hà Nội: Công an Nhân dân; 2004;.
7. Navarre H, Phan Thanh Toàn dịch. Thời điểm của những sự thật. Hà Nội: Nhà xuất bản Công an Nhân dân; 2004;.
8. Morgan T. Valley of Death: The Tragedy at Dien Bien Phu That Led America into the Vietnam War. New York: Random House; 2010.
9. Bernard B. Fall. Điện Biên Phủ - một góc địa ngục. Hà Nội: Công an Nhân dân; 2004;.
10. Hong Quan và Tu Dzung. Điện Biên Phủ, chiến dịch mang lại hòa bình ở Đông Dương (đăng trong “Le Vietnam en marche, 1956-1957, Minh Phúc dịch)”. [online]. 2020 [cited 2020 May 6]; Available from: <https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/dien-bien-phu-chien-dich-mang-lai-hoa-binh-o-dong-duong.htm>.
11. Rocolle P, Phu. Pourquoi dien bien phu? Paris: Flammarion Publisher; 1968.

12. Ély and P. L'Indochine dans la tourmentle. Paris: Pion publisher; 1964.
13. Langlais P. Dien Bien Phu. Paris: Editions France Empire Publisher; 1963.
14. Thiện D, Đ K Khánh. Tiếng sấm Điện Biên Phủ. Hà Nội: Quân đội Nhân dân; 1974.
15. Nhân N. Những kết luận của Ủy ban điều tra quân sự Pháp về thất bại ở Điện Biên Phủ. Kỳ I: Về trách nhiệm của tướng Henri Navarre. cited 2020 May 10; 2020. Available from: https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/uy-ban-dieu-tra-quan-su-phap-va-nhung-ket-luan-ve-that-bai-cua-dien-bien-phu.htm#_ftn6.
16. Nhân N. Những kết luận của Ủy ban điều tra quân sự Pháp về thất bại ở Điện Biên Phủ. Kỳ I: Về trách nhiệm của tướng Henri Navarre. cited 2020 May 3; 2018. Available from: https://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/uy-ban-dieu-tra-quan-su-phap-va-nhung-ket-luan-ve-that-bai-cua-dien-bien-phu.htm#_ftn6.
17. Nhiều tác giả. Điện Biên Phủ - mốc vàng thời đại. Hà Nội: Thông tin và Truyền thông; 2018.
18. drame indochinois LJL. De Dien-Bien-Phu au pari de Genève. Paris: Pion Publisher; 1957.
19. Brancion DH. Artilleurs dans la fournaise. Paris: Presses de la cite; 1993.
20. Nhiều tác giả. Chuyện những người làm nên lịch sử. Hà Nội: Chính trị Quốc gia; 2009.
21. Nguyễn GV. Tổng tập Hồi ký. Hà Nội: Quân đội Nhân dân; 2006.
22. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp với sử học Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; 2011.
23. Cadeau I. Điện Biên Phủ: 13 mars - 7 mai 1954; 2013. p. 2021–2021. Available from: <https://archive.org/details/dien-bien-phu-13-mars-7-mai-1954-ivan-cadeau>.
24. Windrow MC. The Last Valley: Dien Bien Phu and the French Defeat in Vietnam. Boston: Da Capo Press; 2004.

The causes of the French Army defeat at Dien Bien Phu: The perspective from the artillery

Nguyen Trong Minh*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The 1954 Victory of Dien Bien Phu was a momentous event with the profound international influence. The French military's defeat at Dien Bien Phu stemmed from multiple causes. Adopting the historical method, logical reasoning, and comparative analysis of collected documents, the article aims to provide an additional perspective from the Vietnamese artillery to explain the causes of the French Army's failure while highlighting the decisive role of artillery in the Vietnamese Army's triumph. The article points out that an incomplete assessment of the battlefield situation resulted in overconfidence in the planning and execution of defensive strategies by the French military commanders in general, and by the commanders of the French artillery forces in particular, which left the French artillery at Dien Bien Phu inadequately prepared to respond effectively to unexpected developments. Furthermore, the severe organizational and logistical shortcomings further weakened the strength of the French artillery, making them unable to effectively deal with the challenges on the battlefield. On the other hand, the Vietnamese soldiers showed their unwavering determination, strategic acumen, flexible adaptability to adverse conditions, and meticulous preparation of their artillery. The article concludes that artillery was not merely a strategic weapon but also a symbol of creativity and ingenuity of the Vietnamese Army, playing a pivotal role in securing this historic victory.

Key words: Dien Bien Phu, artillery, French Army, Vietnamese Army

Institute of International Economics and Politics, University of Finance - Marketing, Vietnam

Correspondence

Nguyen Trong Minh, Institute of International Economics and Politics, University of Finance - Marketing, Vietnam

Email: trongminhussh@gmail.com

History

- Received: 14-01-2025
- Revised: 18-07-2025
- Accepted: 13-10-2025
- Published Online: 29-11-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i4.1104>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Trong Minh N. **The causes of the French Army defeat at Dien Bien Phu: The perspective from the artillery.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(4):3185-3194.